

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/HS-ST

Ngày: 26/5/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Minh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Huỳnh Thị Tuyết Mai.

Bà Nguyễn Thị Dung.

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Kim Hậu – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Gia Lai tham gia phiên toà:*** Ông Phạm Xuân Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2026/TLST-HS, ngày 05 tháng 5 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn N**, tên gọi khác: không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 26/9/1993 tại Gia Lai; Nơi cư trú: thôn T, xã H, tỉnh Gia Lai; Số CCCD: 052093018377; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: lái xe; Con ông Trần Văn A, sinh năm: 1956 và bà Nguyễn Thị T - sinh năm: 1961; Vợ: Đoàn Bảo N1 – sinh năm 2003; Con: có 01 người, sinh năm 2025; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại xã H, tỉnh Gia Lai từ ngày 13/01/2026 cho đến nay, (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- ***Bị hại:*** Ông Võ Văn H, sinh năm: 1971 (đã chết)

- ***Đại diện theo pháp luật của người bị hại:***

+ Bà Bạch Thị Thanh P, sinh năm: 1970; nơi cư trú: thôn H, xã H, tỉnh Gia Lai.

+ Chị Võ Thị Thanh H1, sinh năm: 1998; nơi cư trú: thôn H, xã H, tỉnh Gia Lai.

+ Anh Võ Văn H2, sinh năm: 1996; nơi cư trú: thôn H, xã H, tỉnh Gia Lai.
Bà P, chị H1 ủy quyền tham gia tố tụng cho anh Võ Văn H2, (anh H2 có mặt).

- Bị đơn dân sự: Ông Bùi Phi H3, sinh năm: 1978; nơi cư trú: thôn H, xã H, tỉnh Gia Lai, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 11/11/2025, Trần Văn N: sinh năm 1993, trú tại thôn T, xã H, tỉnh Gia Lai (có giấy phép lái xe hạng C (cũ) theo quy định, nồng độ cồn trong máu là 0.0 mg/dL, âm tính với chất ma túy) điều khiển xe ô tô tô tải biển số 77C - 201.79 lưu thông trên đường bê tông liên thôn H - Nam với tốc độ khoảng 35 - 40km/h đến khu vực ngã tư giao nhau giữa hai đường bê tông liên thôn thuộc thôn T, xã H, tỉnh Gia Lai. Đường bê tông liên thôn H - Nam tương đối bằng phẳng, rộng 3m, không có vạch kẻ tim đường, hai bên đoạn đường trước khi vào khu vực ngã tư giao nhau đều có trụ biển báo "Giao nhau với đường không ưu tiên"; đường bê tông liên thôn H - Tây rộng 2,3m, không có vạch kẻ tim đường; vị trí tiếp giáp giữa 02 đường liên thôn phía Đông rộng 8,05m, phía Tây rộng 10,08m.

Mặc dù đến khu vực ngã tư giao nhau có biển báo nguy hiểm "Giao nhau với đường không ưu tiên" nhưng Trần Văn N vẫn chủ quan điều khiển xe ô tô 77C - 201.79 chạy giữa đường lấn qua phần đường ngược chiều, thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ để đảm bảo an toàn khi vào khu vực ngã tư nên không kịp thời phát hiện ông Võ Văn H, sinh năm 1971, trú tại thôn H, xã Hội Sơn, tỉnh Gia Lai (không có giấy phép lái xe hạng A1; nồng độ cồn trong máu là 179 mg/dl) điều khiển xe mô tô biển số 77E1 - 372.25 lưu thông trên đường bê tông liên thôn H - T đang vào ngã tư giao nhau; đến khi khoảng cách giữa hai phương tiện khoảng 2m, Nam mới phát hiện và điều khiển xe ô tô tải lách qua bên trái và dậm phanh để tránh nhưng do khoảng cách gần nên xảy ra va chạm, phần cản trước của xe ô tô 77C - 201.79 do N điều khiển tông vào phần thân xe bên phải của xe mô tô 77E1 - 372.25 làm ông H và xe mô tô ngã nằm trên đường và bị đẩy về phía trước khoảng hơn 8m.

Hậu quả: Ông Võ Văn H được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế P1 sau đó tử vong.

Kết luận giám định tử thi số 809/KLGĐTT-KTHS ngày 05/12/2025 của Phòng K Công an tỉnh G, kết luận nguyên nhân chết của ông Võ Văn H: Chấn thương bụng kín.

Kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 07/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xã H, tỉnh Gia Lai kết luận: Xe ô tô tải biển số 77C - 201.79, nhãn hiệu ISUZU, bị hư hỏng một số bộ phận có giá trị thành tiền là 8.170.000 đồng; Xe mô tô biển số 77E1 - 372.25, nhãn hiệu YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu sơn: Đen Xanh, bị hư hỏng một số bộ phận có giá trị thành tiền là 6.645.000 đồng.

Hiện trường vụ tai nạn có sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, bản ảnh khám nghiệm phương tiện kèm theo hồ sơ vụ án.

- Về phương tiện, tang vật liên quan đến vụ tai nạn:

Cơ quan điều tra đã tạm giữ và xử lý trả lại cho chủ sở hữu và đại diện gia đình người bị hại: 01 (một) xe mô tô biển số 77E1 - 372.25; 01 xe ô tô tải biển số 77C-201.79; 01 (một) chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới số VA1933383, biển đăng ký 77C-201.79, có hiệu lực đến hết ngày 02/03/2026; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số BBOto 250008339, thời hạn từ ngày 07/3/2025 đến ngày 07/3/2026; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô số 037077, biển số đăng ký 77C - 201.79 mang tên Bùi Phi H3; 01 (một) giấy phép lái xe hạng C mang tên Trần Văn N, số 520190007367, cấp ngày 29/8/2024 có giá trị đến ngày 29/8/2029.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Văn N đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại tổng số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Đại diện gia đình người bị hại không có yêu cầu gì khác, có đơn bãi nại và đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Tại Bản cáo trạng số: 30/CT-VKSKV3, ngày 04/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai đã truy tố bị cáo Trần Văn N về tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Gia Lai trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn N về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và không có thay đổi bổ sung gì thêm.

- Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn N với mức án từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bên đã tự thỏa thuận giải quyết xong. Đại diện gia đình bị hại không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Không.

- Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, trong phần trình bày lời tự bào chữa, bị cáo Trần Văn N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội cũng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến gì tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo thực sự ăn năn, hối cải và mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng:

Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Bị cáo Trần Văn N và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì đối với quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của những người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận, trong các giai đoạn tố tụng này, hành vi của những người tiến hành tố tụng và quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Xét nội dung vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, HĐXX thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Văn N đã khai nhận toàn bộ diễn biến của vụ án và hành vi của mình đã thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được như: sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường lập ngày 11/11/2025 (có bản ảnh hiện trường kèm theo); các biên bản khám phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông lập ngày 09/12/2025; Biên bản khám nghiệm tử thi lập ngày 11/11/2025 (kèm theo bản ảnh), Bản kết luận giám định tử thi số 809/KLGĐTT-KTHS ngày 05/12/2025 của Phòng K Công an tỉnh G, lời khai của đương sự và các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Vì vậy, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận:

Nguyên nhân của vụ tai nạn giao thông xảy ra vào khoảng 12 giờ 15 phút ngày 11/11/2025 tại ngã tư giao nhau giữa hai đường bê tông liên thôn thuộc thôn T, xã H, tỉnh Gia Lai là do lỗi hỗn hợp, trong đó Trần Văn N mặc dù điều khiển xe ô tô tải 77C - 201.79 đến khu vực ngã tư giao nhau có biển báo hiệu nguy hiểm "Giao nhau với đường không ưu tiên", điều khiển xe ô tô chạy giữa đường lấn qua phần đường ngược chiều nhưng Nam chủ quan thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ để đảm bảo an toàn khi vào khu vực ngã tư gây ra tai nạn với xe mô tô biển số 77E1 - 372.25 do ông Võ Văn H điều khiển đang vào giao lộ ngã tư cùng thời điểm nên gây ra tai nạn cho ông H. Hậu quả: ông Võ Văn H

được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế P1 sau đó tử vong, nguyên nhân chết của ông H là do chấn thương bụng kín.

Hành vi điều khiển xe ô tô tham gia giao thông đường bộ của Trần Văn N đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10 và điểm b, d khoản 3 Điều 12 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ, gây ra hậu quả làm 01 người chết, đủ yếu tố cấu thành tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của BLHS. Vì vậy, Cáo trạng số 30/CT-VKSKV3, ngày 04/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai đã truy tố bị cáo Trần Văn N với tội danh, khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự, an toàn trong lĩnh vực giao thông đường bộ, gây ra hậu quả làm 01 người chết, ảnh hưởng xấu đến tình hình chung tại địa phương. Do đó, HĐXX xét thấy cần phải xử lý nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét đặc điểm nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng:

Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của BLHS. Trong các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải. Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, nhanh chóng khắc phục hậu quả cho gia đình người bị hại với số tiền 120.000.000 đồng. Mặt khác, nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn giao thông cũng có một phần lỗi của bị hại khi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông đường bộ không có giấy phép lái xe theo quy định, có nồng độ cồn trong máu là 179 mg/dl, thiếu chú ý quan sát, không giảm tốc độ và nhường đường khi đến giao lộ ngã tư giao nhau với đường ưu tiên. Đại diện hợp pháp cho gia đình người bị hại có đơn bãi nại về dân sự và yêu cầu xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo N. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình, quyết định mức hình phạt có lý, có tình nhằm tạo điều kiện cho bị cáo an tâm cải tạo tốt trong quá trình chấp hành án. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có quan hệ nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và ngoài lần phạm tội này không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có điều kiện được quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo tích cực cải tạo bản thân, vẫn có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

[5.1] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình người bị hại tổng số tiền 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu*) để khắc phục một phần hậu quả thiệt hại. Người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5.2] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã tạm giữ và đã xử lý trả lại vật chứng liên quan đến vụ án cho chủ sở hữu và người đại diện hợp pháp của bị hại xong nên HĐXX không xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ Luật tố tụng hình sự - 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV, bị cáo Trần Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Tại phiên toà, đề nghị của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 15 (*Mười lăm*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 (*Ba mươi*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm: 26/5/2026.

Giao bị cáo Trần Văn N cho UBND xã H, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát giáo dục bị cáo được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể

quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác: Không.

4. Về xử lý vật chứng: Không.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn N phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

*** Nơi nhận:**

- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và Thi hành án TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 3 – Gia Lai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ – CA T. Gia Lai;
- VP Cơ quan CSĐT CA T. Gia Lai;
- Phòng THA DS Khu vực 3 - Gia Lai;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Minh

*** Nơi nhận:**

- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và Thi hành án TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 3 – Gia Lai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ – CA T. Gia Lai;
- VP Cơ quan CSĐT CA T. Gia Lai;
- Phòng THA DS khu vực 3 - Gia Lai;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Minh

*** Nơi nhận:**

- Phòng GD KTr, TTr & THA
TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 3 – Gia Lai;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Minh